

Ưu tiên đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất mua sắm trang thiết bị trường học đáp ứng yêu cầu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Đặng Thị Loan*

**Tạp chí Thiết bị Giáo dục*

Received: 22/2/2023; Accepted: 28/2/2023; Published: 9/3/2023

Abstract: The article outlines some issues about documents, facilities, human resources and finance in educational and training institutions from preschool to high school. Some difficulties and problems exist in the teaching staff, the quality of teachers and educational administrators. The renovation of general education curricula and textbooks in 2018. Thereby proposing solutions for relevant ministries and branches.

Keywords: School facilities, equipment, general education program 2018.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, giáo dục phổ thông đang phải đối mặt với tình trạng thừa, thiếu giáo viên (GV), thiếu trường, thiếu lớp của bậc mầm non và giáo dục phổ thông ở một số khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, vùng sâu, vùng xa, thiếu quỹ đất cho xây dựng trường học, đặc biệt là ở các thành phố lớn và các tỉnh có nhiều khu công nghiệp.

Trong buổi làm việc của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà với Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Tình hình thực hiện nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo” vào ngày 15 tháng 02 năm 2023, Thứ trưởng Hoàng Kim Sơn cho biết, Ngành Giáo dục hiện có hơn 24,5 triệu học sinh (HS), sinh viên; hơn 1,5 triệu nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên. Trong đó, giáo dục mầm non có 15.321 trường, với hơn 4,3 triệu trẻ và gần 465.600 GV, cán bộ quản lý, nhân viên; giáo dục phổ thông có 26.209 trường, với hơn 17,9 triệu HS và hơn 975.700 GV, cán bộ quản lý nhân viên; giáo dục đại học có 244 cơ sở đào tạo, với hơn 2,2 triệu sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh và gần 78.200 giảng viên[1]. Có thể thấy, giáo dục và đào tạo là lĩnh vực có phạm vi tác động rộng lớn, liên quan tới mọi người, mọi nhà. Ý thức được điều này, toàn ngành Giáo dục đã ra sức phấn đấu, nỗ lực vượt qua khó khăn để thực hiện sứ mệnh nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Để tìm hiểu kỹ hơn về cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học phục vụ chương trình Giáo dục phổ thông 2018, bài viết đề cập đến thực trạng cơ sở vật chất về quy mô giáo dục, mạng lưới cơ sở giáo dục; chương trình và chất lượng giáo dục, đào tạo;

đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; cơ sở vật chất, tài chính, ngân sách của ngành giáo dục năm học 2022 - 2023.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Về cơ sở vật chất trong các cơ sở giáo dục đào tạo

Thứ trưởng Hoàng Kim Sơn cho biết, việc sắp xếp lại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông ở một số địa phương chưa phù hợp, còn tình trạng thiếu trường, lớp ở một số khu đô thị. Cụ thể: cấp mầm non còn thiếu khoảng 6.077 phòng học và cấp tiểu học thiếu khoảng 13.335 phòng học để đạt tỷ lệ 1 lớp/phòng đáp ứng yêu cầu học 02 buổi/ngày, chưa tính đến số lớp, phòng học để đảm bảo số HS/lớp theo quy định. Ở khu vực điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn vẫn còn tồn tại 5.941 phòng học nhờ, mượn, tập trung chủ yếu tại cấp học mầm non và tiểu học. Một số địa phương dồn dịch các điểm trường, sáp nhập trường một cách “cơ học”, sau khi sắp xếp, quy hoạch lại các điểm trường, một số điểm trường bị phân tán, giao thông bị chia cắt, ảnh hưởng đến việc đi học của HS.

Cơ sở vật chất trường lớp còn thiếu, xuống cấp; các điều kiện để đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới, đặc biệt là chuẩn bị cơ sở vật chất ở một số trường còn chậm. Để thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, cả nước còn thiếu 63.920 phòng học bộ môn, Cụ thể cấp tiểu học thiếu 42.304 phòng học bộ môn; cấp THCS thiếu 16.288 phòng học bộ môn; cấp THPT thiếu 5.328 phòng học bộ môn và 2.086 thư viện. Tỷ lệ thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng nhu cầu dạy học còn thấp, trung bình cả nước chỉ đáp ứng 54,3%. Cụ thể cấp mầm non đáp

ứng 47,9%; cấp tiểu học đáp ứng 56,1%; cấp THCS đáp ứng 54,3%; cấp THPT đáp ứng 58,9%. Nhiều địa phương kinh tế còn khó khăn, việc huy động nguồn vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực khác còn hạn hẹp phải trông chờ vào ngân sách Trung ương, nên việc đầu tư không đáp ứng được so với nhu cầu.

2.2. *Đội ngũ giáo viên*

Tình trạng thừa, thiếu cục bộ GV mầm non, GV phổ thông ở một số địa phương vẫn chưa giải quyết dứt điểm, gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện chương trình và kế hoạch dạy học, đặc biệt là trong thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Tỷ lệ GV/lớp bình quân ở tất cả các cấp học đều thấp hơn định mức. Cụ thể: cấp Mầm non là 1,76 (định mức là 2,2); cấp tiểu học là 1,32 (định mức là 1,5); cấp THCS là 1,81 (định mức 1,9); cấp THPT là 2,1 (định mức là 2,25). Đặc biệt, thiếu GV môn Tiếng Anh, Tin học đối với tiểu học; môn Âm nhạc, Mỹ thuật đối với trung học phổ thông khi chưa áp dụng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 từ năm 2022- 2023. Lương và phụ cấp ưu đãi nghề của nhà giáo còn thấp, chưa tương xứng với hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo. Tình trạng GV bỏ việc, chuyển khỏi ngành có xu hướng tăng. Theo thống kê từ hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, năm học 2021 - 2022 có 16.265 GV nghỉ việc, chuyển ra khỏi ngành Giáo dục; trong đó số GV công lập nghỉ việc là 10.407 người, số GV ngoài công lập nghỉ việc là 5.858 người. Tập trung chủ yếu ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương... nguyên nhân chủ yếu là do GV ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển có nhiều sự lựa chọn để chuyển đổi nghề nghiệp với mức thu nhập cao hơn và GV ở các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập đóng cửa trường học trong hơn 2 năm ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19 phải tìm kiếm việc làm khác[1].

2.3. *Chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*

Để thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Bộ Nội vụ trình các cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung biên chế GV theo lộ trình đến năm 2026 và đã được Bộ Chính trị giao 65.980 biên chế GV mầm non, phổ thông bổ sung cho các địa phương cả giai đoạn 2022 - 2026 theo Quyết định số 71-QĐ/TW của Bộ Chính trị về tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2002 - 2026. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục Đào tạo, các địa phương đã và đang khẩn trương triển khai tổ chức tuyển dụng 27.850 biên chế được

giao cho năm học 2022-2023; trong đó ưu tiên tuyển dụng GV các môn học mới để thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và GV mầm non cho các cơ sở giáo dục mầm non ở vùng kinh tế-xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Chỉ đạo sắp xếp, dồn dịch các điểm trường một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, đảm bảo tính hiệu quả và tạo điều kiện thuận lợi cho HS đến trường.

Thời gian tới, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các địa phương về tình hình triển khai Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng cao trình độ chuẩn được đào tạo của GV mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chú trọng triển khai bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy đáp ứng yêu cầu chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp GV các cấp học và thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá đội ngũ theo chuẩn và bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý, GV các cấp học; bố trí đủ GV dạy học các môn Ngoại ngữ và Tin học để triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 từ lớp 3.

2.4. *Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*

Năm 2018, Bộ Giáo dục đào tạo đã ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông mới theo đúng yêu cầu của Nghị quyết số 29/NQ/TW là “chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học”. Lần đầu tiên Chương trình giáo dục phổ thông được xây dựng một cách bài bản, theo một quy trình chặt chẽ, bảo đảm hiện đại, tinh gọn, tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hóa dần ở các lớp học trên; giảm số môn học bắt buộc; tăng chủ đề môn học. Hiện nay đã có 7 nhà xuất bản tham gia biên soạn sách giáo khoa, việc cung ứng phát hành sách giáo khoa không để xảy ra hiện tượng khan hiếm, thiếu sách giáo khoa.

Thời gian tới, Bộ sẽ tiếp tục rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, từng bước hoàn thiện thể chế, chính sách để phát triển, hoàn thiện chương trình giáo dục phổ thông; nâng cao chất lượng sách giáo khoa, thí điểm xây dựng sách giáo khoa điện tử; tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục phổ thông về quy mô mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và tài chính dành cho giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

2.5. Kinh phí của Bộ: Trong giai đoạn 2020 - 2023, ngân sách hằng năm cấp cho Bộ Giáo dục và Đào tạo được Bộ Tài chính cân đối bảo đảm được khoảng 70 - 77% nhu cầu tối thiểu theo đề xuất; Bộ Giáo dục và

Đào tạo cũng đã chủ động cân đối giảm chi thường xuyên tối thiểu 5%/năm theo lộ trình. Tuy nhiên, với mức giảm NSNN hằng năm trong giai đoạn 2020 - 2023 cụ thể năm 2021 giảm 850.03 tỷ đồng, tương ứng 13,5%; năm 2022 giảm 787.7 tỷ đồng, tương ứng 10,8%; năm 2023 giảm 1.129.21 tỷ đồng, tương ứng 22,2%[1]. Ông Hoàng Kim Sơn chia sẻ, với kinh phí như trên thì Bộ Giáo dục và Đào tạo rất khó khăn trong việc đảm bảo các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao, đặc biệt là trong giai đoạn 2023 - 2025 tiếp tục triển khai Nghị quyết 29-NQ/TW, Chương trình phổ thông 2018 nhưng không được bố trí kinh phí riêng.

- Đối với dự toán ngân sách về kinh phí cấp bù phí sư phạm, học bổng chính sách và trang cấp hiện vật cho HS dân tộc nội trú, HS dự bị đại học: hiện đang thiếu vì thực hiện lộ trình tăng cả về mức hỗ trợ và số lượng đối tượng hưởng thụ.

“Ưu tiên đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị trường học đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018” đó là chỉ đạo của Phó Thủ Tướng Chính phủ Trần Hồng Hà trong buổi làm việc với Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Tình hình thực hiện nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2022 - 2023”. Phó Thủ Tướng Chính phủ Trần Hồng Hà chỉ đạo các bộ, ngành được giao chủ trì các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và 2021-2030 xem xét đưa các dự án, nhiệm vụ liên quan đến ngành giáo dục vào nhóm ưu tiên hàng đầu khi xây dựng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ hạn mức kế hoạch vốn. Trong đó ưu tiên mua sắm trang thiết bị dạy học, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, kiên cố hóa trường học, các công trình phụ trợ thiết yếu phục vụ điều kiện dạy và học để đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất thực hiện Chương trình GDPT 2018.

2.6. Đề xuất đối với các bộ, ngành liên quan

Để đảm bảo các điều kiện và nguồn lực thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của ngành giáo dục trong giai đoạn tới, theo đúng quan điểm xuyên suốt các kỳ Đại hội Đảng, các Hội nghị Trung ương “Phát triển giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt phát triển đất nước”, Thủ tướng Hoàng Minh Sơn cũng đưa ra các đề xuất, kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên và Môi trường một số đề nghị sau:

- Đối với Chính phủ, Thủ Tướng Chính phủ

Xem xét chính sách tiền lương, phụ cấp ưu đãi cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Trước mắt ban hành Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các

cơ sở giáo dục công lập.

Chỉ đạo các bộ, ngành được giao chủ trì các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và 2021 - 2030 xem xét đưa các dự án, nhiệm vụ liên quan đến ngành giáo dục vào nhóm ưu tiên hàng đầu khi xây dựng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ mức kế hoạch vốn, trong đó ưu tiên mua sắm trang thiết bị dạy học, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, kiên cố hóa trường học, các công trình phụ trợ thiết yếu phục vụ điều kiện dạy và học để đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Bộ Tài Chính bố trí dự toán ngân sách hằng năm đủ cho Bộ Giáo dục và Đào tạo để cấp bù học phí, học bổng chính sách và trang cấp hiện vật cho HS dân tộc nội trú, ...Đề nghị bố trí tăng phí không thường xuyên thực hiện duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên, mua sắm trang thiết bị để học tập, nâng cao chất lượng giảng dạy.

Ưu tiên cân đối nguồn vốn ngân sách trung ương cho sự nghiệp giáo dục đào tạo hỗ trợ các địa phương, các cơ sở giáo dục khó khăn chưa cân đối được thu - chi để thực hiện duy tu bảo dưỡng, mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học theo Quyết định số 1436/QĐ-TT ngày 29/10/2018; quan tâm bố trí kinh phí cho các địa phương thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo lộ trình tại Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội.

- Về phía Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ Giáo dục đã ban hành các danh mục thiết bị dạy học tối thiểu các cấp học phổ thông [3] nhằm tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, các cơ sở giáo dục triển khai rà soát thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và xác định nhu cầu để triển khai mua sắm bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu theo lộ trình triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; đánh giá thực trạng các điểm trường lẻ và các trường có quy mô nhỏ để sắp xếp các trường, xác định nhu cầu xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo phòng học, phòng chức năng, thư viện, nhà vệ sinh, nhà ăn, phòng ở cho HS nội trú, HS bán trú theo các quy định[4].

Cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục đã có sự chuyển biến tích cực. Hiện cả nước có khoảng 606.210 phòng học các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập, trong đó số phòng học kiên cố đạt tỷ lệ 85,4%. Các địa phương đã ưu tiên đầu tư một số hạng mục phục vụ triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018[5] như phòng học, phòng chức năng, phòng học bộ môn, thư

viện, thiết bị dạy học. Sĩ số/ lớp cơ bản được thực hiện theo quy định, nhiều địa phương đã chú ý thực hiện các giải pháp bảo đảm thuận lợi, an toàn cho việc đi lại của HS khi đến trường.

Các địa phương đã triển khai nhiều giải pháp huy động các nguồn lực xã hội nhằm phát triển giáo dục, đào tạo tại địa phương; thực hiện quy định về ưu đãi đất đai, chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng hỗ trợ các cơ sở giáo dục ngoài công lập. Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục đã tổ chức phong trào xây dựng thiết bị dạy học tự làm để bổ sung, cải tiến, sửa chữa nhằm phát huy hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học đã trang bị, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và các địa phương đề xuất nhu cầu của ngành để triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 với mục tiêu đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có HS ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

Trong thời gian tới, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiếp tục chỉ đạo các địa phương thực hiện rà soát hệ thống trường lớp, xác định thực trạng và nhu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; trong đó ưu tiên dành quỹ đất để xây dựng trường mầm non, đặc biệt là tại các khu công nghiệp, khu chế xuất; bảo đảm điều kiện thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đối với tiểu học và các điều kiện khác để thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018; tăng cường xã hội hóa, thu hút nguồn lực đầu tư để nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng đầy đủ hơn điều kiện giảng dạy.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, như chuẩn bị đội ngũ GV, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, xóa mù chữ; đẩy mạnh công tác xây dựng xã hội học tập, học suốt đời; quan tâm hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non, phổ thông khu vực miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, địa

bàn có khu công nghiệp.

3. Kết luận

Để khắc phục những khó khăn về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu nhằm bảo đảm điều kiện dạy và học theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; giải pháp xã hội hoá giáo dục trong trường phổ thông ở những khu vực có điều kiện kinh tế phát triển; khuyến khích đầu tư tư nhân cho cơ sở vật chất trong trường đại học; thí điểm phổ cập mầm non cho trẻ 3-4 tuổi; phương án đổi mới kỳ thi tốt nghiệp THPT sau năm 2025... Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai một số nhiệm vụ lớn. Trong đó có triển khai các chiến lược, đề án như: Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao... Đồng thời, lập đề nghị xây dựng Luật Nhà giáo; tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), *Báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 14/2/2023*, Hà Nội.
2. Thủ tướng (2022), *Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/04/2022 Quyết định về tín dụng đối với HS, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học trực tuyến*. Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học, Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học cơ sở, Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông*, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 13/2020/TT - BGDDT ngày 26/5/2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư 14/2020/TT - BGDDT ngày 26/5/2020 ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông*, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Kế hoạch số 411/KH - BGDDT ngày 12/6/2020 về tổng thể công tác chuẩn bị đội ngũ GV lớp 1, cơ sở vật chất phục vụ năm học 2020 - 2021 thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*, Hà Nội.